

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAMBOO CAPITAL
BAMBOO CAPITAL
JOINT STOCK COMPANY**



Số/No.: 64/2021/CBTT-BCG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2021
Ho Chi Minh City, October 28, 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM/*HCM Stock Exchange*

Công ty/Company: **Công ty Cổ phần Bamboo Capital/Bamboo Capital JSC**

Mã chứng khoán/*Securities Code*: **BCG**

Người thực hiện công bố thông tin/*Submitted by*: Ông (Mr.) Phạm Minh Tuấn

Chức vụ/*Position*: Phó Tổng Giám đốc/*Chief Operating Officer*

Địa chỉ/ *Address*: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, Tp.HCM/ 27C Quốc Hương, Thảo Điền Ward, District 2, Hồ Chí Minh City.

Điện thoại/*Telephone*: (028) 62 680 680

-Fax: (028) 62 9911 88

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Information disclosure type: 24 hours Requested Irregular Periodic

Nội dung công bố thông tin/Content of Information disclosure:

Công ty Cổ phần Bamboo Capital (BCG) công bố thông tin Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất Quý 3 năm 2021.

Bamboo Capital JSC (BCG) hereby discloses the Separated and Consolidated Financial Statements for the third quarter of 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website www.bamboocap.com.vn /*This information has been published on our company's website at www.bamboocap.com.vn.*

Tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin công bố. /*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*



**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/
INFORMATION DISCLOSURE
REPRESENTATIVE**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
CHIEF OPERATING OFFICER** *hm*



PHẠM MINH TUẤN



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAMBOO CAPITAL**

-----***-----

Số: ~~B3~~2021/BCG

V/v: Giải trình biến động kết quả
SXKD Quý 3 Năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

TP HCM, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Căn cứ theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ký ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Công ty CP Bamboo Capital (BCG) xin giải trình với Quý Sở, Quý Ủy ban về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trong BCTC riêng lẻ và hợp nhất quý 3 năm 2021 như sau:

Giải trình biến động so với cùng kỳ:

Đơn vị tính: đồng

Loại Báo cáo tài chính ("BCTC")	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)			
	Q3/2021	Q3/2020	Chênh lệch (1) so với (2)	Tỷ lệ chênh lệch (1) so với (2)
	(1)	(2)	(3)= (1) - (2)	(4)= (3)/(2)*100%
BCTC riêng lẻ	10.310.208.408	32.582.951.880	(22.272.743.472)	(68,4%)
BCTC hợp nhất	217.917.651.949	76.195.370.468	141.722.281.481	186,0%

Giải trình của công ty như sau:

Đối với báo cáo riêng lẻ:

- Báo cáo tài chính quý 3 năm 2021 của Công ty mẹ: Lợi nhuận sau thuế đạt 10,3 tỷ đồng giảm 68,4% so với cùng kỳ chủ yếu do Công ty mẹ không còn ghi nhận doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư và chia sẻ lợi nhuận với các đối tác nước ngoài.

Đối với báo cáo hợp nhất:

- Báo cáo tài chính quý 3 năm 2021 Hợp nhất: Lợi nhuận sau thuế đạt 217,9 tỷ đồng, tăng 186,0% so với cùng kỳ. Lợi nhuận hợp nhất đến từ các công ty con. Trong đó, nổi bật là việc chuyển nhượng một số dự án; doanh thu từ hoạt động thi công, xây lắp; đồng thời ghi nhận dòng tiền từ các dự án năng lượng tái tạo đã đóng điện thời điểm cuối năm 2020.

Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban và Sở được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CP BAMBOO CAPITAL

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM MINH TUẤN

Nơi nhận:

- *Như trên*
- *Lưu VP*



Báo cáo tài chính riêng
CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL
Cho giai đoạn Quý 3/2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
- Bảng cân đối kế toán	01 - 02
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	03
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	04 - 05
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	06 - 37



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		428.533.158.903	191.429.113.591
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	259.928.550.295	12.021.135.270
1. Tiền	111		249.518.550.295	1.611.135.270
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.410.000.000	10.410.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04	33.980.000.000	980.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		33.000.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		980.000.000	980.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		133.139.602.208	177.805.198.443
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	105.210.034.996	165.387.826.916
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	16.769.450.001	5.719.500.001
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	11.160.117.211	6.697.871.526
IV. Hàng tồn kho	140		1.485.006.400	40.000.000
1. Hàng tồn kho	141	V.07	1.485.006.400	40.000.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			582.779.878
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			582.779.878
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.236.723.935.824	3.680.715.158.024
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		63.105.827.373	53.105.827.373
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	63.105.827.373	53.105.827.373
II. Tài sản cố định	220		4.333.677.242	4.584.602.828
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	4.284.511.834	4.516.198.786
- Nguyên giá	222		8.484.705.655	7.864.578.382
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.200.193.821)	(3.348.379.596)
3. Tài sản cố định vô hình	227		49.165.408	68.404.042
- Nguyên giá	228		76.954.546	76.954.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.789.138)	(8.550.504)
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		535.500.000	535.500.000
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		535.500.000	535.500.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	5.168.375.513.903	3.622.175.513.903
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.985.550.896.196	3.439.350.896.196
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		182.804.000.000	182.804.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		529.156.293	529.156.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(508.538.586)	(508.538.586)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		373.417.306	313.713.920
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	373.417.306	313.713.920
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.665.257.094.727	3.872.144.271.615

31
NG
PH
ME
PI
01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.588.810.757.350	2.263.744.284.950
I. Nợ ngắn hạn	310		245.323.051.878	240.016.891.128
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	9.377.275.902	47.789.849.216
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.000.000.000	195.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	954.229.398	29.759.380.803
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	18.547.647.326	27.739.726.026
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	100.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	179.151.710.920	74.699.158.920
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	32.292.188.332	59.733.776.163
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
II. Nợ dài hạn	330		2.343.487.705.472	2.023.727.393.822
1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331		534.310.000.000	688.310.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	1.178.440.000.000	161.150.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	630.737.705.472	274.267.393.822
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	900.000.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.076.446.337.377	1.608.399.986.665
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	3.076.446.337.377	1.608.399.986.665
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.975.371.740.000	1.360.057.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.975.371.740.000	1.360.057.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(165.000.000)	(165.000.000)
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		101.239.597.377	248.507.386.665
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		45.042.534.665	59.673.247.613
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		56.197.062.712	188.834.139.052
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.665.257.094.727	3.872.144.271.615

Người lập biểu



Lê Trí Hoàng Uyên

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 26 tháng 10 năm 2021

Đại diện Pháp luật



Nguyễn Hồ Nam

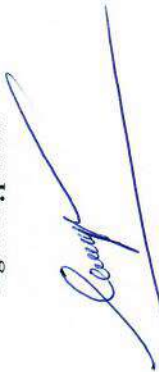
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2021	Quý 3/2020	Lũy kế đến cuối Q3/2021	Lũy kế đến cuối Q3/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	11.936.531.760	61.456.300.000	81.247.771.305	94.191.654.760
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.936.531.760	61.456.300.000	81.247.771.305	94.191.654.760
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	5.441.486.128	9.580.978.900	19.063.341.193	27.636.753.410
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.495.045.632	51.875.321.100	62.184.430.112	66.554.901.350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	30.221.870.131	12.669.098.159	77.754.983.879	105.495.792.949
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	16.277.832.564	19.861.870.307	53.967.063.582	73.622.692.835
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.011.247.866	19.861.870.307	53.429.449.540	72.849.092.835
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	9.451.700.895	6.758.425.242	27.665.351.468	17.829.809.263
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.987.382.304	37.924.123.710	58.306.998.941	80.598.192.201
11. Thu nhập khác	31		-	13.618.814	-	13.618.814
12. Chi phí khác	32		677.173.896	2.941.924	1.196.848.399	2.941.924
13. Lợi nhuận khác	40		(677.173.896)	10.676.890	(1.196.848.399)	10.676.890
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	-	5.351.848.720	913.087.830	13.886.662.418
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.310.208.408	32.582.951.880	56.197.062.712	66.722.206.673

Người lập biểu



Lê Trí Hoàng Uyên

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 26 tháng 10 năm 2021

Đại diện Pháp luật



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến cuối Quý 3/2021	Lũy kế đến cuối Quý 3/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		57.110.150.542	80.608.869.091
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		871.052.859	479.322.814
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(77.335.872.971)	(105.492.942.949)
- Chi phí lãi vay	06		53.429.449.540	72.849.092.835
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		34.074.779.970	48.444.341.791
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		35.248.376.113	(81.162.787.464)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(1.445.006.400)	(660.481.800)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		933.799.318.946	315.456.962.159
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		(33.000.000.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(64.621.528.240)	(220.288.721.980)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(29.380.131.495)	(24.417.913.659)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		874.616.105.508	38.403.756.110
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(620.127.273)	(4.288.416.910)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	13.618.814
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.565.200.000.000)	(1.630.890.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		19.000.000.000	1.618.832.800.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		77.335.872.971	11.568.680.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.469.484.254.302)	(4.763.318.012)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		674.623.800.000	280.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		507.344.499.687	967.314.480.232
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(178.315.775.868)	(1.189.941.128.891)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(160.876.960.000)	(86.404.608.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		842.775.563.819	(29.031.256.659)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến cuối Quý 3/2021	Lũy kế đến cuối Quý 3/2020
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		247.907.415.025	4.609.181.439
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.021.135.270	10.985.162.573
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII	259.928.550.295	15.594.344.012

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lập, ngày 26 tháng 10 năm 2021

Đại diện Pháp luật

Lê Tri Hoàng Uyên

Hoàng Thị Minh Châu

Nguyễn Hồ Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 22 ngày 24/08/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 2.975.371.740.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30/09/2021: 2.975.371.740.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Lập trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn cao su mủ côm, phân bón (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán mô tô, xe máy. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Sản xuất thảm, chăn, đệm. Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn thực phẩm. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Khai thác gỗ. Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Bán lẻ phân bón. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/09/2021, Công ty Cổ phần Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 07 (bảy) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 55 (năm mươi lăm) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 03 (ba) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 9 (chín) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:

6. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

a. Danh sách văn phòng đại diện

<i>Tên</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Bamboo Capital tại TP. Hà Nội	Tầng 19, Tòa nhà Thăng Long, 98 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

b. Danh sách các Công ty con trực tiếp

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	51,43%	51,43%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Khu TTCN Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.	69,83%	67,30%
Công ty Cổ phần BCG Land	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99,52%	81,69%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.	89,00%	89,00%
Công ty Cổ phần BCG Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99,26%	99,26%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Thôn Phong An, Xã Cát Trinh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định	80,00%	80,00%
Công ty Cổ Phần BCG Financial	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.	80,00%	80,00%

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Áp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang.	51,00%	25,72%
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	55,00%	28,29%
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.	70,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Lô D4, D5, D9, D10 – KCN Đông Bắc Sông Cầu, TX. Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên.	95,00%	63,94%
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hèm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.	90,00%	89,33%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	90,00%	89,33%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Quốc lộ 1D, Khu phố 1, Bãi Xếp, Phường Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.	70,00%	57,19%

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	218 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM.	59,43%	48,55%
Công ty Cổ Phần Thương Mại Vxperia	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	65,00%	53,10%
Công ty Cổ phần Helios Village	Số 32 Đường Hoàng Diệu, Tổ Dân Phố 4, Phường Nghĩa Trung, TP.Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	80,0%	65,36%
Công ty TNHH Pegas	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	100,0%	81,69%
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Tầng 14, L14-08B, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	100%	81,69%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	65,00%	53,10%
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp	Côn Bắp, Phường Cẩm Nam, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam.	50,10%	40,93%
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	60,00%	55,25%
Công ty Cổ phần Skylar	Tầng 14, L14-08B, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99,00%	98,27%
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Tỉnh lộ 639, thôn 8 Đông, Xã Mỹ Thắng, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định	90,28%	89,61%
Công ty Cổ phần Apollo Development	Tầng 14-08A, Tòa Nhà VinCom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	69,00%	67,80%
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	74,90%	73,60%
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	1/10 Ngô Văn Trị, khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	51,00%	50,12%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Số 26 đường Trần Khánh Dư, Tổ 1, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.	51,00%	50,62%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	78,00%	77,42%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	93,60%	92,91%
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	25/10 Đường số 3, Khu phố 2, Phường An Khánh, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh	99,00%	98,27%
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long (tiền thân là Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời VNECO - Vĩnh Long)	Số 356, tổ 13, ấp Phú Tân, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	50,50%	50,13%

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	79,00%	77,63%
Công ty TNHH MTV Apollo DVI	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,80%
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	344/38 DX 90, Đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	67,80%
Công ty TNHH BCG Ever 1	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty TNHH BCG Ever 2	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty TNHH BCG Ever 3	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty TNHH BCG Ever 4	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,12%
Công ty Cổ phần Bleu Soliel	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	50,90%	50,02%
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar 1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Xây lắp Skylar 2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Thương mại Skylar 3	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,02%
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar 4	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	98,27%
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infnitive-1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infnitive-2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infnitive-3	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infnitive-4	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,45%
Công ty TNHH BCG Ever 5	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	50,06%

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty TNHH BCG Ever 6	1/10 Ngõ Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	50,06%
Công ty TNHH BCG Ever 7	1/10 Ngõ Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	50,06%
Công Ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	97,28%
Công Ty Cổ Phần BCG-SP Solar 1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Daisy Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Dịch Vụ BCG-SP Alpha 1	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Iris Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Ivy Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Lily Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Lotus Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Pine Solar	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%
Công Ty TNHH Xây Lắp BCG-SP Alpha 2	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	97,28%

d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Aussino Highland Agriculture	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	49,00%	49,00%
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	48,00%	48,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân Cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	37,49%	29,68%

e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Lô IV - 15B đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM.	30,00%	15,43%
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	50,00%	49,63%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	32,48%	32,24%
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Văn phòng 02, Tầng 10, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.	50,00%	49,63%
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Thôn Nà Pán I, Xã Vũ Sơn, Huyện Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.	43,85%	29,51%
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	43 Phan Bội Châu, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.	20,00%	10,29%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành Phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	49,00%	48,64%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Căn PG3-17, Dây SH4, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	49,00%	48,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch Vụ An Khang Land	Số 19 Đường 11, Khu phố 1, Phường Linh Tây, TP. Thủ Đức, TP. HCM	49,00%	23,79%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;

- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tồn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Đối với máy móc thiết bị trực tiếp sản xuất được trích khấu hao theo sản lượng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Phương tiện vận tải	06
- Máy móc thiết bị	03
- Thiết bị văn phòng	03 - 05
- Tài sản cố định vô hình	03

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

18. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Tiền mặt	188.862.519	58.240.136
- Tiền gửi ngân hàng	249.329.687.776	1.552.895.134
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>249.309.498.830</i>	<i>1.534.949.714</i>
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	<i>20.188.946</i>	<i>17.945.420</i>
- Các khoản tương đương tiền	10.410.000.000	10.410.000.000
Tổng cộng	<u>259.928.550.295</u>	<u>12.021.135.270</u>

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	105.210.034.996	165.387.826.916
+ Công ty CP BCG Land	4.713.700.000	1.377.700.000
+ Công ty CP BCE Energy	6.129.900.000	
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	4.793.000.000	
+ Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	2.181.000.000	
+ Dragon Lane Investment Holding Limited	67.275.655.800	116.200.500.000
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	19.000.000.000	
+ Công ty TNHH KD DV BĐS Thăng Long		45.000.000.000
+ Phải thu khách hàng khác	1.116.779.196	2.809.626.916
b. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	36.872.600.000	2.750.000.000
+ Công ty CP BCG Land	4.713.700.000	1.377.700.000
+ Công ty CP BCE Energy	6.129.900.000	91.300.000
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	4.793.000.000	1.281.000.000
+ Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	2.181.000.000	
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	19.000.000.000	
+ Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	55.000.000	

3. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	16.769.450.001	5.719.500.001
+ Công ty Cổ phần Đầu tư D'SENSE ISLAND Hội An	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Global Asset Solution FZ LIC	227.280.000	227.280.000
+ Be Great Global Limited	348.600.000	
+ Công ty Cổ phần Gonsa	11.000.000.000	
+ Đối tượng khác	193.570.001	492.220.001
b. Trả trước cho người bán dài hạn		

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
a. Chứng khoán kinh doanh	33.000.000.000	33.000.000.000	-	-
- Tổng giá trị cổ phiếu	33.000.000.000	33.000.000.000		
Chi tiết số dư như sau:				
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	33.000.000.000	33.000.000.000	-	-
Tổng cộng	33.000.000.000	33.000.000.000		
b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo	980.000.000	980.000.000	980.000.000	980.000.000
b.1 Ngắn hạn:	980.000.000	980.000.000	980.000.000	980.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	980.000.000	980.000.000	980.000.000	980.000.000
b.2 Dài hạn:	-	-	-	-
Tổng cộng	980.000.000	980.000.000	980.000.000	980.000.000

Ghi chú:

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại Ngân hàng TMCP BIDV- Chi nhánh Bà Chiểu (xem mục V.10 thuyết minh báo cáo tài chính này)

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.168.884.052.489	5.168.375.513.903	(508.538.586)	3.622.175.513.903
- Đầu tư vào công ty con	4.985.550.896.196	4.985.550.896.196	-	3.439.350.896.196
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	479.460.560.000	479.460.560.000	-	299.460.560.000
+ Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	270.160.000.000	270.160.000.000	-	270.160.000.000
+ Công ty cổ phần BCG Land	1.256.400.000.000	1.256.400.000.000	-	1.014.200.000.000
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	667.530.336.196	667.530.336.196	-	667.530.336.196
+ Công ty Cổ phần BCG Energy	1.608.000.000.000	1.608.000.000.000	-	1.188.000.000.000
+ Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	384.000.000.000	384.000.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	320.000.000.000	320.000.000.000	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	182.804.000.000	182.295.461.414	(508.538.586)	182.295.461.414
+ Công ty TNHH DV BV Trường Thành Đại Nam Security	-	-	-	-
+ Công ty CP Aussino Highland Agricul Ture	1.104.000.000	595.461.414	(508.538.586)	595.461.414
+ Công ty TNHH B.O.T DT830	103.200.000.000	103.200.000.000	-	103.200.000.000
+ Công ty CP Năng lượng BCG Bông Dương	78.500.000.000	78.500.000.000	-	78.500.000.000
- Đầu tư vào các đơn vị khác	529.156.293	529.156.293	-	529.156.293
+ Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	69.210.933	69.210.933	-	69.210.933
+ Công ty CP Phát triển Nguồn lực & DV Dầu khí VN	99.945.360	99.945.360	-	99.945.360
+ Công ty CP Đầu tư hạ tầng và năng lượng VN	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000
+ Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp	-	-	-	-
Tổng cộng	5.168.884.052.489	5.168.375.513.903	(508.538.586)	3.622.175.513.903

(508.538.586)

182.295.461.414

182.804.000.000

(508.538.586)

182.295.461.414

182.804.000.000

(508.538.586)

182.295.461.414

(508.538.586)

595.461.414

103.200.000.000

78.500.000.000

529.156.293

69.210.933

99.945.360

360.000.000

(508.538.586)

5.168.375.513.903

3.622.175.513.903

(508.538.586)

3.622.175.513.903

(508.538.586)

595.461.414

103.200.000.000

78.500.000.000

529.156.293

69.210.933

99.945.360

360.000.000

(508.538.586)

5.168.375.513.903

3.622.175.513.903

(508.538.586)

3.622.175.513.903

(508.538.586)

595.461.414

103.200.000.000

78.500.000.000

529.156.293

69.210.933

99.945.360

360.000.000

(508.538.586)

5.168.375.513.903

3.622.175.513.903

(508.538.586)

3.622.175.513.903

(508.538.586)

595.461.414

103.200.000.000

78.500.000.000

529.156.293

69.210.933

99.945.360

360.000.000

(508.538.586)

5.168.375.513.903

3.622.175.513.903

(508.538.586)

3.622.175.513.903

(508.538.586)

595.461.414

103.200.000.000

78.500.000.000

529.156.293

69.210.933

99.945.360

360.000.000

(508.538.586)

5.168.375.513.903

3.622.175.513.903

(508.538.586)

3.622.175.513.903

(508.538.586)

595.461.414

103.200.000.000

78.500.000.000

529.156.293

69.210.933

99.945.360

360.000.000

(508.538.586)

5.168.375.513.903

3.622.175.513.903

(508.538.586)

3.622.175.513.903

(508.538.586)

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tạm ứng	84.503.106		233.427.342	
- Ký cược, ký quỹ	19.000.000		19.000.000	
- Cho mượn				
- Phải thu khác	11.056.614.105		6.445.444.184	
+ Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	5.475.000.000		5.475.000.000	
+ Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp	5.000.000.000		-	
+ Công ty TNHH DV BV Trường Thành Đại Nam Security			736.611.112	
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830	454.178.082		123.082.192	
+ Khác	127.436.023		233.833.072	

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Phải thu dài hạn khác	63.105.827.373	-	53.105.827.373	-
- Phải thu khác	62.500.000.000		52.500.000.000	
+ Công ty TNHH B.O.T ĐT830	52.500.000.000		52.500.000.000	
+ Khác	10.000.000.000		-	
- Ký cược, ký quỹ	605.827.373		605.827.373	
Tổng cộng	74.265.944.584		59.803.698.899	

6. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường				
- Nguyên liệu, vật liệu				
- Công cụ, dụng cụ				
- Chi phí SXKD dở dang				
- Thành phẩm				
- Hàng hóa	1.485.006.400		40.000.000	
- Hàng hóa gửi bán				
- Hàng hóa kho bảo thuế				
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	1.485.006.400	-	40.000.000	-

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu kỳ		60.000.000	6.887.362.182	917.216.200		7.864.578.382
2. Số tăng trong kỳ			585.581.818	34.545.455		
- Mua trong kỳ			585.581.818	34.545.455		
- Đầu tư XDCN hoàn thành						620.127.273
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ		60.000.000	7.472.944.000	951.761.655		8.484.705.655
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ		60.000.000	2.822.708.545	465.671.051		3.348.379.596
2. Khấu hao trong kỳ			766.889.136	84.925.089		851.814.225
- Khấu hao tăng trong kỳ			766.889.136	84.925.089		851.814.225
3. Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ		60.000.000	3.589.597.681	550.596.140		4.200.193.821
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu kỳ			4.064.653.637	451.545.149		4.516.198.786
2. Tại ngày cuối kỳ			3.883.346.319	401.165.515		4.284.511.834

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

2.519.819.615 VND
1.420.622.382 VND

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình		
1. Số dư đầu kỳ	76.954.546	76.954.546
2. Số tăng trong kỳ	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	76.954.546	76.954.546
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu kỳ	8.550.504	8.550.504
2. Khấu hao trong kỳ	19.238.634	19.238.634
- Khấu hao tăng trong kỳ	19.238.634	19.238.634
3. Giảm trong kỳ	-	-
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
1. Tại ngày đầu kỳ	68.404.042	68.404.042
2. Tại ngày cuối kỳ	49.165.408	49.165.408

CÔNG TY CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

27C Quốc Hương, phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM

Báo cáo tài chính riêng
Quý 3 năm 2021

<i>b. Vay dài hạn</i>	161.337.705.472	161.337.705.472	481.400.000.000	12.000.000.000	630.737.705.472	630.737.705.472
+ Ngân hàng TMCP Sacombank	594.500.000	594.500.000	-	-	594.500.000	594.500.000
+ Ngân hàng Nam Á - CN Đà Nẵng	36.993.205.472	36.993.205.472	12.000.000.000	12.000.000.000	24.993.205.472	24.993.205.472
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong Bank	123.750.000.000	123.750.000.000	481.400.000.000		123.750.000.000	123.750.000.000
+ Công ty Cổ phần phát triển Lion City					481.400.000.000	481.400.000.000
Cộng	221.071.481.635	221.071.481.635	519.344.499.687	77.386.087.518	663.029.893.804	663.029.893.804

10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*c. Các khoản nợ thuê tài chính**d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**e. Trái phiếu thường*

	Ngày 01/01/2021		Ngày 30/09/2021	
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị
- Loại phát hành theo mệnh giá	112.929.688.350	6%	3 năm	Lãi suất
- Loại phát hành theo mệnh giá				Kỳ hạn
- Loại phát hành có phụ trội				
Tổng cộng	112.929.688.350			

11. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

STT	Chi tiêu	Số đầu năm	Phát hành trong kỳ	Đáo hạn trái phiếu		Số cuối kỳ	Bên liên quan
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi		
1	Kỳ hạn gốc (tháng)						
	Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	36		36			
2	Kỳ hạn còn lại (tháng)						
	Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	28,5				19,5	
3	Số lượng (trái phiếu)						
	Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	900.000		900.000			
4	Mệnh giá (đồng/ trái phiếu)						
	Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	1.000.000					
5	Lãi suất (%)						
	Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	5%					
6	Tỷ lệ chuyển đổi						
7	Lãi suất chiết khấu						
	Phát hành ngày 20/05/2020						
8	Nợ gốc trái phiếu	900.000.000.000					
	Phát hành ngày 20/05/2020 (*)	900.000.000.000			900.000.000.000		
9	Quyền chọn chuyển đổi						
	Phát hành ngày 20/05/2020						

Ghi chú:

- (*) Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 15/05/2021 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 36/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 09/07/2021 về việc chấp thuận cho phép thực hiện quyền chuyển đổi toàn bộ trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 20/05/2020 thành cổ phiếu, Công ty đã tiến hành chuyển đổi toàn bộ 900.000.000 trái phiếu phát hành ngày 20/05/2020 thành 90.000.000 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ.

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 30/09/2021		Ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn:	9.377.275.902	8.411.340.858	47.789.849.216	47.789.849.216
- Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	2.182.251.564	2.182.251.564	109.948.520	109.948.520
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	4.784.082.894	4.784.082.894	46.547.597.777	46.547.597.777
- Công ty TNHH Tuấn Phong	1.445.006.400	1.445.006.400		
- Các đối tượng khác	965.935.044		1.132.302.919	1.132.302.919
- Công ty TNHH Nam Cường Sài Gòn	534.310.000.000	534.310.000.000	688.310.000.000	688.310.000.000
Cộng	543.687.275.902	542.721.340.858	736.099.849.216	736.099.849.216
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d. Phải trả người bán là các bên liên quan			109.948.520	109.948.520
- Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	2.182.251.564	2.182.251.564	109.948.520,0	109.948.520

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Ngày 01/01/2021	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Ngày 30/09/2021
a. Phải nộp	29.759.380.803	13.099.863.567	41.566.224.972	954.229.398
Thuế giá trị gia tăng		777.692.410	638.770.111	138.922.299
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.095.841.175	913.087.830	29.380.131.495	628.797.510
Thuế thu nhập cá nhân	324.749.628	9.795.718.618	9.933.958.657	186.509.589
Thuế khác	338.790.000	1.613.364.709	1.613.364.709	
b. Phải thu				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30/09/2021	Ngày 01/01/2021
a. Ngắn hạn	18.547.647.326	27.739.726.026
- Tạm trích chi phí giá vốn hàng hóa đã bán	2.000.000.000	
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	16.547.647.326	27.739.726.026
b. Dài hạn		
Cộng	18.547.647.326	27.739.726.026

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Ngày 30/09/2021</i>	<i>Ngày 01/01/2021</i>
a. Ngắn hạn	179.151.710.920	74.699.158.920
- Tài sản thừa chờ xử lý		
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN		
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	179.151.710.920	74.699.158.920
+ Công ty TNHH B.O.TĐT830	200.000.000	200.000.000
+ Công ty Cổ phần BCG Land	96.830.000.000	
+ Trương Hoàng Vĩnh		20.000.000.000
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	80.138.000.000	52.793.000.000
+ Các đối tượng khác	1.983.710.920	1.706.158.920
b. Dài hạn	1.178.440.000.000	161.150.000.000
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.178.440.000.000	161.150.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	64.150.000.000	64.150.000.000
+ Công ty TNHH Kinh Doanh DV BĐS Thăng Long	378.000.000.000	
+ Công ty Cổ phần BCG Financial	246.690.000.000	
+ Nguyễn Thị Minh Thương	180.000.000.000	
+ Trần Thùy Dung	123.500.000.000	
+ Huỳnh Thị Hồng Hạnh	89.100.000.000	
+ Các đối tượng khác	17.000.000.000	17.000.000.000

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	1.080.057.600.000	(165.000.000)	-	146.077.855.613	1.225.970.455.613
- Tăng vốn trong kỳ	280.000.000.000				280.000.000.000
- Lợi nhuận tăng trong kỳ				188.834.139.052	188.834.139.052
- Chia cổ tức				(86.404.608.000)	(86.404.608.000)
- Giảm khác					
Số dư tại ngày 31/12/2020	1.360.057.600.000	(165.000.000)	-	248.507.386.665	1.608.399.986.665
Số dư tại ngày 01/01/2021	1.360.057.600.000	(165.000.000)	-	248.507.386.665	1.608.399.986.665
- Tăng vốn trong kỳ (*)	1.574.623.800.000				1.574.623.800.000
- Lợi nhuận tăng trong kỳ				56.197.062.712	56.197.062.712
- Chia cổ tức (**)	40.690.340.000			(203.464.852.000)	(162.774.512.000)
Số dư tại ngày 30/09/2021	2.975.371.740.000	(165.000.000)	-	101.239.597.377	3.076.446.337.377

(*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/2020/NQ-DHĐCĐ-BCG ngày 24/09/2020 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số BCG ngày 30/09/2020, Công ty đã thực hiện chào bán 67.462.380 cổ phiếu ra công chúng với tổng số vốn huy động là 674.623.800.000 đồng;

51/2020/NQ-HĐQT-

(**) Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 15/05/2021 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 36/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 09/07/2021 về việc chấp thuận cho phép thực hiện quyền chuyển đổi toàn bộ trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 20/05/2020 thành cổ phiếu, Công ty đã tiến hành chuyển đổi toàn bộ 900.000 trái phiếu phát hành ngày 20/05/2020 thành 90.000.000 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ.

(**) Trong năm 2021 công ty tiến hành chia cổ tức là 10% /vốn điều lệ (8% bằng tiền mặt, 2% bằng cổ phiếu) thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 15/05/2021 và Nghị quyết HĐQT số 26/2021/NQ-HĐQT-BCG ngày 25/05/2021.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn nhà nước		
- Tổ chức cá nhân khác		
Cộng	<u>2.975.371.740.000</u>	<u>1.360.057.600.000</u>
	<u>2.975.371.740.000</u>	<u>1.360.057.600.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.360.057.600.000	1.080.057.600.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	1.615.314.140.000	280.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	2.975.371.740.000	1.360.057.600.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	203.464.852.000	-

d. Cổ phiếu

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	297.537.174	136.005.760
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	297.537.174	136.005.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	297.537.174	136.005.760
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	297.537.174	136.005.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	297.537.174	136.005.760

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Cổ tức đã công bố:	203.464.852.000	86.404.608.000
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:</i>	203.464.852.000	86.404.608.000
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:</i>	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Ngày 30/09/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
a. Tài sản thuê ngoài		
b. Tài sản nhận giữ hộ		
c. Ngoại tệ các loại		
- USD	919,82	779,82
d. Vàng tiền tệ		
đ. Nợ khó đòi đã xử lý		
e. Các thông tin khác		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Quý 3/2021	Quý 3/2020
a. Doanh thu	11.936.531.760	61.456.300.000
+ Doanh thu bán hàng	4.424.531.760	9.934.300.000
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.512.000.000	51.522.000.000
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	7.512.000.000	1.315.000.000
- Công ty cổ phần BCG Land	2.160.000.000	1.315.000.000
- Công ty Cổ phần BCG Energy	3.042.000.000	1.947.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	1.440.000.000	1.275.000.000
+ Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	720.000.000	765.000.000
+ Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch	150.000.000	50.000.000

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 3/2021	Quý 3/2020
- Giá vốn hàng hóa	4.226.901.000	9.540.978.900
- Giá vốn dịch vụ	1.214.585.128	40.000.000
Cộng	5.441.486.128	9.580.978.900

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 3/2021	Quý 3/2020
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.550.819.631	1.493.541.159
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	2.947.500.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.685.841.000	11.175.557.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.709.500	
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Cộng	30.221.870.131	12.669.098.159

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 3/2021	Quý 3/2020
- Chi phí lãi vay	16.011.247.866	19.861.870.307
- Lỗ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	85.735.698	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	180.849.000	
- Chi phí tài chính khác		
Cộng	16.277.832.564	19.861.870.307

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 3/2021	Quý 3/2020
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		
- Chi phí bằng tiền khác		
b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ	9.451.700.895	6.758.425.242
- Chi phí nhân viên quản lý	3.819.799.918	3.505.812.984
- Chi phí vật liệu quản lý	366.387.333	335.061.741
- Chi phí đồ dùng văn phòng	101.409.220	414.883.580
- Chi phí khấu hao TSCĐ	310.071.663	204.851.673
- Thuế, phí và lệ phí	21.700.000	2.411.110
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.535.929.873	1.679.174.154
- Chi phí bằng tiền khác	296.402.888	616.230.000

6. THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Các khoản khác

Cộng

Quý 3/2021	Quý 3/2020
	13.618.814
	13.618.814

7. CHI PHÍ KHÁC

- Các khoản khác

Cộng

Quý 3/2021	Quý 3/2020
677.173.896	2.941.924
677.173.896	2.941.924

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Quý 3/2021	Quý 3/2020
366.387.333	335.061.741
3.819.799.918	3.505.812.984
310.071.663	204.851.673
4.535.929.873	1.679.174.154
419.512.108	1.033.524.690
9.451.700.895	6.758.425.242

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN

- + Các khoản điều chỉnh tăng
- + Các khoản điều chỉnh giảm

- Tổng thu nhập chịu thuế
- + Lỗ từ các năm trước chuyển sang

- Tổng thu nhập tính thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp
- + Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp
- + Khoản thuế TNDN truy thu

Quý 3/2021	Quý 3/2020
10.310.208.408	37.934.800.600
(25.685.841.000)	(11.175.557.000)
(15.375.632.592)	26.759.243.600
(15.375.632.592)	26.759.243.600
	5.351.848.720
	5.351.848.720

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Đơn vị	Quan hệ
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con

Đơn vị	Quan hệ
Công ty Cổ Phần BCG Financial	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động Tracodi	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Pegas	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần ĐT TM DV Gia Khang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Apollo Development	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infinite	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever5	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever6	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever7	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Công ty con gián tiếp

11/01/2021
CỔ PHẦN BAMBOO CAPITAL

Đơn vị	Quan hệ
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar4	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinitive-1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinitive-2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinitive-3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infinitive-4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Helios Village	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần BCG-SP Solar 1	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Daisy Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Dịch Vụ BCG-SP Alpha 1	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Iris Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Ivy Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Lily Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Lotus Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Pine Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty TNHH Xây Lắp BCG-SP Alpha 2	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Aussino Highland Agricul Ture	Công ty liên kết
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết
Công ty CP Năng lượng BCG Băng Dương	Công ty liên kết
Công ty Taxi Việt Nam (Vina Taxi)	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần ĐT TM Dịch Vụ An Khang Land	Công ty liên kết gián tiếp
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

Ghi chú:

Ngoài thông tin các bên liên quan đã được nêu tại mục V.02, V.12 và VI.01 của Thuyết minh báo cáo tài chính này, Công ty có các nghiệp vụ với các bên liên quan sau:

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Đơn vị	Giao dịch	Số tiền
Công ty Cổ phần BCG Land	Tạm ứng cổ tức	96.830.000.000
	Nhận cổ tức	44.169.998.400
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Mượn tiền	11.214.000.000
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Mua hàng	101.818.800
	Mượn tiền	246.690.000.000
Công ty Cổ phần BCG Financial	Bán cổ phần	19.000.000.000
	Phải thu khác	150.000.000
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	Thu lãi tiền hợp tác	1.174.657.534
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Thu tiền cung cấp dịch vụ	165.000.000

c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác:

Họ tên	Chức danh	Số tiền
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	180.000.000
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT	90.000.000
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	165.000.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	45.000.000
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	90.000.000
Hoàng Thị Minh Châu	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng	150.000.000
Đình Hoài Châu	Trưởng ban kiểm soát	60.000.000
Nguyễn Việt Cường	Thành viên ban kiểm soát	45.000.000
Tổng cộng		825.000.000
Các Bên liên quan	Lãi trái phiếu phải trả	2.532.876.713

d. Số dư với các bên liên quan

Đơn vị	Mã số trên CĐKT	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	315	4.947.945.204
Công ty Cổ phần BCG Land	319	96.830.000.000
	315	1.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Energy	315	1.000.000.000
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	319	80.138.000.000
	337	64.150.000.000
Công ty CP Năng lượng BCG Băng Dương	136	62.344.128
	136	454.178.082
Công ty TNHH B.O.T ĐT830	319	200.000.000
	216	52.500.000.000
	131	19.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Financial	337	246.690.000.000
	136	5.475.000.000
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	136	5.475.000.000
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	311	2.182.251.564
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	136	10.000.000

1574
G T
PHẢI
BO
ITA
HỒ

2. THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

3. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty trình bày báo cáo bộ phận của mình theo loại hình kinh doanh

Chỉ tiêu:	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	4.424.531.760	7.512.000.000	11.936.531.760
Giá vốn	4.226.901.000	1.214.585.128	5.441.486.128
Lợi nhuận thuần	197.630.760	6.297.414.872	6.495.045.632

Người lập biểu

Lê Trí Hoàng Uyên

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Châu

Lập, ngày 26 tháng 10 năm 2021

Đại diện Pháp luật



Nguyễn Hồ Nam

